

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **1. Giới thiệu chung về kế hoạch, gói thầu:**

##### **a. Kế hoạch:**

- Tên kế hoạch: Cung cấp Dịch vụ công ích thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn xã Phù Đổng giai đoạn 2026-2030 (05 năm).

- Nguồn vốn: Ngân sách xã.

- Chủ đầu tư: Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Phù Đổng.

##### **b. Gói thầu:**

- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Cung cấp dịch vụ công ích thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn xã Phù Đổng”, giai đoạn 2026-2030 (05 năm).

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 05 năm (từ 01/01/2026-31/12/2030).

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.

- Phạm vi công việc của gói thầu: Được nêu tại biểu Mẫu 01B (webform trên Hệ thống) – Phạm vi cung cấp thuộc E-HSMT.

- Địa điểm: Xã Phù Đổng, thành phố Hà Nội.

- Thuế giá trị gia tăng: Theo quyết định Phê duyệt dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Giá gói thầu được duyệt đã bao gồm thuế VAT năm 10%. Đề nghị các nhà thầu khi tham dự thầu chào giá theo Mẫu số 11C (Webform trên Hệ thống) đã bao gồm thuế VAT theo các thông tin nêu trên. Giá trị thuế VAT sẽ được chuẩn xác theo quy định của Nhà nước tại thời điểm nghiệm thu thanh toán.

- Về khối lượng, tần suất, thời gian thực hiện:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
			Khối lượng năm	Khối lượng năm	Khối lượng năm	Khối lượng năm	Khối lượng năm
<b>A</b>	<b>Thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt</b>						
1	Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân tại đường phố đến điểm tập kết	Km	1.074,396	4.655,716	4.655,716	4.655,716	4.655,716
2	Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân tại ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết	Km	2.155,729	9.341,493	9.341,493	9.341,493	9.341,493
3	Thu gom thủ công chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân tại ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết	Km	24.619,250	24.619,250	24.686,700	24.619,250	24.619,250
4	Thu gom cơ giới chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng tải trọng $\leq 1,5$ tấn	Tấn	9.854,816	10.446,105	11.103,207	11.737,240	12.441,478
5	Thu gom cơ giới chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng $> 5$ tấn đến $\leq 10$ tấn	Tấn	7.300,000	7.738,000	8.224,752	8.694,420	9.216,082
<b>B</b>	<b>Vận chuyển</b>						
6	Vận chuyển chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng rời tải trọng $\leq 5$ tấn	Tấn	58,320	63,83	63,83	63,83	63,83

STT	Hạng mục	Đơn vị	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
			Khối lượng năm	Khối lượng năm	Khối lượng năm	Khối lượng năm	Khối lượng năm
7	Vận chuyển chất thải khác còn lại từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng > 5 tấn đến ≤ 10 tấn Cự ly 40-45 km	Tấn	7.300,000	7.738,000	8.224,752	8.694,420	9.216,082
8	Vận chuyển chất thải còn lại từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng > 10 tấn	Tấn	22.191,216	23.522,689	25.002,363	26.430,090	28.015,899
9	Vận chuyển chất thải công kênh từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý bằng ô tô tải thùng tải trọng ≤ 5 tấn	Tấn	260,000	275,600	292,136	309,660	328,244
C	<b>Vệ sinh</b>						
10	Vệ sinh điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt	Điểm	854,000	854,000	854,000	854,000	854,000
D	<b>Vệ sinh công cộng</b>						
11	Duy trì vệ sinh đường, hệ phố theo tần suất 120 phút/lần (Cấp độ 3)	Km duy trì	5.559,540	11.088,700	11.119,080	11.088,700	11.088,700
12	Quét đường phố bằng thủ công (Thực hiện 2 ngày/lần)	10.000 m <sup>2</sup>	5.003,220	5.003,220	5.003,220	5.003,220	5.003,220
13	Quét hè phố bằng thủ công (Thực hiện hàng ngày)	10.000 m <sup>2</sup>	1.901,650	1.901,650	1.906,860	1.901,650	1.901,650
14	Quét hè phố bằng thủ công (Thực hiện 2 ngày/lần)	10.000 m <sup>2</sup>	2.126,460	2.126,460	2.126,460	2.126,460	2.126,460
15	Quét, rửa đường bằng ô tô quét hút, rửa đường dung tích < 10 m <sup>3</sup> (Thực hiện 3 ngày/lần)	10.000 m <sup>2</sup>	1.869,040	2.803,560	2.803,560	2.803,560	2.803,560

STT	Hạng mục	Đơn vị	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
			Khối lượng năm	Khối lượng năm	Khối lượng năm	Khối lượng năm	Khối lượng năm
16	Phun sương dập bụi bằng xe chuyên dùng	km	274,800	274,800	274,800	274,800	274,800
17	Quét đường phố, dải phân cách bằng cơ giới ( <i>Thực hiện 2 ngày/lần</i> )	km	660,630	1.317,650	1.321,260	1.317,650	1.317,650
18	Quét đường phố, dải phân cách bằng cơ giới ( <i>Thực hiện 2 ngày/lần</i> )	km	5.969,460	5.969,460	5.969,460	5.969,460	5.969,460
19	Rửa đường bằng xe bồn dung tích 10 m <sup>3</sup> < xe < 16 m <sup>3</sup> ( <i>Thực hiện 2 lần/tuần - cấp độ 3</i> )	km	514,800	514,800	514,800	514,800	514,800
20	Rửa đường bằng xe điện dung tích 10 m <sup>3</sup> < xe < 16 m <sup>3</sup> ( <i>Thực hiện 2 lần/tuần - cấp độ 3</i> )	km	589,680	589,680	589,680	589,680	589,680

### **c. Các căn cứ pháp lý**

- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Căn cứ Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc Ban hành quy trình kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Quyết định của UBND Thành phố: Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 ban hành quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội; Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của UBND quy định việc sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách thành phố Hà Nội (thực hiện khoản 3 Điều 35 của Luật Thủ đô);

- Căn cứ Văn bản số 10011/SNNMT-QLCTR ngày 26/11/2025 của Sở Nông nghiệp và môi trường về việc hướng dẫn đổi mới nâng cao chất lượng duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn Thành phố cho giai đoạn từ năm 2026;

- Căn cứ Quyết định số 46/QĐ- BQLDAĐT-HT ngày 08/12/2025 của Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Phù Đổng về việc Phê duyệt dự toán và Kế hoạch lựa chọn Nhà thầu gói thầu: “Dịch vụ công ích thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn xã Phù Đổng giai đoạn 2026-2030”.

- Các Văn bản, tài liệu khác có liên quan.

### **2. Mục tiêu công việc:**

Cung cấp dịch vụ công ích thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn xã Phù Đổng”, giai đoạn 2026-2030 (05 năm)

### **3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:**

#### **3.1 Quy trình công nghệ áp dụng:**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Quy trình</b>
-----------	-----------------	------------------

1.	Quy trình Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân tại đường phố đến điểm tập kết	<p>Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc Ban hành quy trình kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội</p>
2.	Quy trình Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân tại ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết	
3.	Quy trình Thu gom thủ công chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân tại ngõ, ngách, hẻm	
4.	Quy trình Thu gom cơ giới chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng > 5 tấn đến ≤ 10 tấn	
5.	Quy trình Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân tại đường phố đến điểm tập kết	
6.	Quy trình Vận chuyển chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng rời tải trọng ≤ 5 tấn	
7.	Quy trình Vận chuyển chất thải khác còn lại từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng > 5 tấn đến ≤ 10 tấn Cự ly 40-45 km	
8.	Quy trình Vận chuyển chất thải còn lại từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng > 10 tấn	
9.	Quy trình Vận chuyển chất thải công kênh từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý bằng ô tô tải thùng tải trọng ≤ 5 tấn	
10.	Quy trình Vệ sinh điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt	
11.	Quy trình Duy trì vệ sinh đường, hè phố	
12.	Quy trình Quét đường phố bằng thủ công	
13.	Quy trình Quét hè phố bằng thủ công	
14.	Quy trình Quét, rửa đường bằng ô tô quét hút, rửa đường dung tích < 10 m <sup>3</sup>	
15.	Quy trình Phun sương dập bụi bằng xe chuyên dùng	
16.	Quy trình Quét đường phố, dải phân cách bằng cơ giới	

17.	Quy trình Rửa đường bằng xe bồn dung tích 10 m <sup>3</sup> < xe < 16 m <sup>3</sup>	
18.	Quy trình Rửa đường bằng xe điện dung tích 10 m <sup>3</sup> < xe < 16 m <sup>3</sup>	
19.	Các quy trình khác về kỹ thuật thu gom vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt và vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội	

### **3.2 Yêu cầu về các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ:**

- Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ phải thể hiện rõ quy trình kỹ thuật, công nghệ áp dụng, yêu cầu chất lượng phù hợp với kế hoạch tổ chức cung cấp dịch vụ;

- Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, thu gom và vận chuyển rác thải theo quy trình công nghệ, nêu đầy đủ các nội dung trong phạm vi công việc, có thuyết minh và bản vẽ tuyến đường, ngõ, điểm tập kết, trung chuyển rác trên địa bàn;

- Đề xuất lộ trình và phương án vận chuyển rác thải tối ưu, đảm bảo không ùn tắc giao thông, không phát tán mùi hôi.

#### **4. Giải pháp và phương pháp luận:**

*Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:*

*1. Giải pháp và phương pháp luận;*

*2. Kế hoạch công tác.*

#### **5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:**

*Được quy định cụ thể trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.*